TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HSST
Ngày: 24/01/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Chính và ông Nông Hữu Dần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột *tham gia phiên tòa:* Ông Lê Viết Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 366/2018/HSST, ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị T;** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 30 tháng 9 năm 1978; Tại: Tỉnh T;

Nơi cư trú: Số 126/95 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Lễ tân; Trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Tiền án; Tiền sự: Không;

Con ông: Lê Trung L, sinh năm: 1952; Con bà: Võ Thị N, sinh năm: 1957; Hiện trú tại: Xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Bị cáo có chồng là Đỗ S, sinh năm: 1966; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 1999; con nhỏ nhất sinh năm: 2006; Hiện trú tại: số 126/95 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2018 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

****/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Mai Thị T – Sinh năm: 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 10 đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Nguyễn Trịnh Phương U – Sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 40 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Lê Thị T – Sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 122 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh Trần Thế V – Sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 49 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Anh Đỗ Viết C – Sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

6. Anh Dương Quang P – Sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

/ Người làm chứng: Ông Võ Hữu C – Sinh năm: 1946 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 8/2 đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị T là người làm thuê cho vợ chồng bà Mai Thị T (là chủ nhà nghỉ T T), trú tại: số 10 đường C, phường T, thành phố B. T được bà T1 giao nhiệm vụ làm lễ tân, tạp vụ của nhà nghỉ T T. Vào ngày 27/8/2018, vợ chồng bà T đi thành phố Hồ Chí Minh khám chữa bệnh nên có nhờ Nguyễn Trịnh Phương U (là con dâu bà T), sinh năm: 1992, trú tại: số 40 đường N, phường T, thành phố B, đến trông coi nhà nghỉ T T và thu tiền phòng của nhà nghỉ từ Lê Thị T.

Khoảng 17 giờ ngày 30/8/2018, như thường ngày Lê Thị T đi đến nhà nghỉ T T để làm việc thì có 06 người khách đến thuê phòng nghỉ ở lại với số tiền là 450.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Trịnh Phương U đến nhà nghỉ thì T lấy số tiền 450.000 đồng đưa lại cho U. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Trần Thế V, sinh năm: 1992, trú tại: Tổ dân phố 8, phường T, thành phố B, một mình đi đến nhà nghỉ T T thuê phòng để nghỉ. Lúc này chỉ có V và T đứng tại quầy lễ tân, V trả tiền phòng cho T là 150.000 đồng rồi được T dẫn đến phòng số 13 ở tầng 2 để nghỉ lại. Khi đến trước cửa phòng số 13 V hỏi T là có gái bán dâm hay không thì T trả lời "Có" và thỏa thuận giá là 500.000 đồng/1 người/1 lần mua bán dâm. V đưa cho T 500.000 đồng rồi T gọi gái bán dâm là Lê Thị T, sinh năm: 1993, trú tại: 122 đường Y, phường T, thành phố B, đến nhà nghỉ để bán dâm. T đưa cho T1 01 bao cao su và dẫn T1 đến phòng số 13 để bán dâm quan hệ tình dục cùng V. Sau khi bán dâm xong, T1 đi xuống dưới tầng trệt thì được T chia cho số tiền là 150.000 đồng là tiền bán dâm cho V. T đưa cho U số tiền 500.000 đồng và nói là tiền của khách đến chơi, U cầm tiền nhưng không biết là tiền của khách mua dâm.

Ngày 31/8/2018, Đỗ Viết C, sinh năm: 1969; Dương Quang P, sinh năm: 1992, cùng trú tại: Xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk và người đàn ông tên B (chưa xác định lai lịch) đi xe taxi (chưa xác định nhân thân lai lịch người lái taxi và biển số) đến nhà nghỉ T T, mục đích mua dâm. Tại nhà nghỉ T T, C, P và B gặp T hỏi mua dâm thì T thỏa thuận là 500.000 đồng/1 người/1 lần mua dâm thì tất cả đồng ý mua dâm, sau đó lần lượt C, P và B đưa tiền mua dâm cho T, tổng cộng là 1.500.000 đồng, khi nhận tiền xong, T dùng điện thoại di động hiệu Nokia màu đen gọi cho 03 gái bán dâm gồm: Lê Thị T, S và Liên N đến nhà nghỉ T T để bán dâm. Tại nhà nghỉ, T đưa bao cao su rồi dẫn dắt Lê Thị T vào phòng số 4 tầng 1 bán dâm cho Đỗ Viết C, S (chưa xác định lai lịch) vào phòng số 02 bán dâm cho B và Liên N đến phòng số 3 gặp P để bán dâm nhưng P không đồng ý nên P nói với T là "đổi đào" thì Liên N ra về. P đợi một lúc nhưng không có gái đến bán dâm, đi xuống tầng trệt của nhà nghỉ tìm T. Lúc này, T ra ngoài trả tiền cho người lái taxi là 100.000 đồng (vì chỉ có hai người mua dâm), rồi đến quầy lễ tân đưa U số tiền 1.500.000 đồng và nói là tiền của khách đến chơi, U nhận tiền nhưng cũng không biết là tiền khách mua dâm. Đến khoảng 00 giờ 50 phút ngày 31/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, kiểm tra phát hiện bắt quả tang C đang quan hệ tình dục mua bán dâm cùng Lê Thị T ở phòng 4 tầng 1 của nhà nghỉ, tạm giữ tại đây 01 bao cao su, 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng; tạm giữ của Lê Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu vàng và số tiền 250.000 đồng (trong đó có 150.000 đồng là tiền khách mua dâm do T chia cho T1, 100.000 đồng là của C cho riêng T1); tạm giữ của Lê Thị T 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen và số tiền 2.100.000 đồng; tạm giữ của Nguyễn Trịnh Phương U số tiền 12.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu hồng; tạm giữ 01 bao cao su đã qua sử dụng tại phòng số 13 tầng 2 của nhà nghỉ. S và B khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, phát hiện bắt quả tang đã bỏ đi nên Cơ quan điều tra không tạm giữ được để xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKS TPBMT ngày 28/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội: " Môi giới mại dâm" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Thị T theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T mức án từ 3 năm đến 4 năm tù.

/ Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Về xử lý vật chứng:*

Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su và 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.750.000 đồng của Lê Thị T1, hưởng lợi bất chính từ các lần bán dâm mà có; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu vàng, số Imei: 863632034851077, là tài sản của Lê Thị T1 đã dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 356944094034914 của Lê Thị T đã dùng vào việc phạm tội.

Trả lại 2.100.000 đồng là tài sản của Lê Thị T không liên quan đến việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Truy thu của Lê Thị T 4.000.000 đồng là số tiền T hưởng lợi bất chính trước đó từ việc gọi gái đến bán dâm tại nhà nghỉ T T để sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 12.000.000 đồng tạm giữ của Nguyễn Trịnh Phương U, trong đó: Số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Lê Thị T có được từ việc gọi gái đến mua bán dâm cho khách mua dâm, sau đó T đưa cho U giữ, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước; số tiền 450.000 đồng là tiền của khách đến thuê phòng nghỉ lại nên trả lại cho bà Mai Thị T (là chủ nhà nghỉ T T) và số tiền 9.550.000 đồng là tài sản riêng của Nguyễn Trịnh Phương U, không liên quan đến việc phạm tội của Lê Thị T nên trả lại cho U nhận sử dụng, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác xét xử.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng, số Imei: 354482092914771 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu hồng, số Imei: 353293072053253, là tài sản của Nguyễn Trịnh Phương U, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho U nhận quản lý, sử dụng.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị T đã khai nhận: Do muốn có tiền tiêu sài cá nhân và vụ lợi, nên vào ngày 30/8/2018 và ngày 31/8/2018, Lê Thị T đã nhiều lần môi giới mại dâm cho khách mua dâm và gái bán dâm đến nhà nghỉ T T, tại địa chỉ: số 10 đường C, phường T, thành phố B, để mua bán dâm thì bị bắt quả tang. Tổng số tiền T thu của khách mua dâm là 2.000.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi tại phiên tòa.

Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị T về tội " Môi giới mại dâm" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Như vậy có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Hành vi của bị cáo Lê Thị T đã phạm tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Điều 328 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

d) Phạm tội 02 lần trở lên;

đ) Đối với 02 người trở lên".

Xét tính chất của vụ án, xét hành vi phạm tội của bị cáo HĐXX xét thấy: Bị cáo là công dân đã trưởng thành, có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Bị cáo biết được rằng môi giới mại dâm là hành vi, vi phạm pháp luật và bị pháp luật trừng trị. Song do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi, muốn có tiền bằng con đường bất chính nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đạo đức xã hội và nếp sống văn hóa. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra, và cần cách ly bị cáo với xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

[2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét về nhân thân của bị cáo: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Đối với bà Mai Thị T, là chủ nhà nghỉ T T để xảy ra hoạt động môi giới mại dâm của bị cáo Lê Thị T vào các ngày 30/8/2018 và ngày 31/8/2018. Kết quả điều tra và tại phiên tòa xác định, bị cáo Lê Thị T khai nhận: Vào khoảng tháng 5/2018, bị cáo T đã xin với bà T về việc cho mua bán dâm tại nhà nghỉ T T và được sự đồng ý của bà T (khi T thỏa thuận với bà T thì bà T không nói gì, không có giấy tờ và không có ai chứng kiến). Bà T khẳng định không biết, không bàn bạc, thỏa thuận với T về việc cho bị cáo T hoạt động môi giới gọi gái đến bán dâm tại nhà nghỉ T T. Do vậy, không đủ căn cứ xử lý đối với bà T, theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở để kê biên định giá tịch thu các căn phòng, địa điểm nơi xảy ra tội phạm. Công an thành phố B, đề nghị UBND thành phố B, ra Quyết định xử phạt hành chính đối với bà T về hành vi để xảy ra hoạt động mua bán dâm tại cơ sở nơi kinh doanh.

Đối với Nguyễn Trịnh Phương U, là người được bà T nhờ đến trông coi và thu tiền phòng của nhà nghỉ T T. Kết quả điều tra và tại phiên tòa, xác định: Vào ngày 30/8/2018 và ngày 31/8/2018, khi T đưa số tiền 2.000.000 đồng cho U thì T nói đây là "Tiền khách đến chơi" nhưng U khẳng định khi bị cáo T đưa số tiền 2.000.000 đồng, U không biết đây là tiền của khách đến mua dâm. U chỉ nhận thức đây là tiền

phòng của khách trả cho nhà nghỉ khi thuê phòng. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Trịnh Phương U về hành vi môi giới mại dâm.

Đối với Trần Thế V, Đỗ Viết C, Dương Quang P và Lê Thị T, là những người mua dâm, bán dâm tại nhà nghỉ T T. Ngày 11/9/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, đã ra các Quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi mua dâm, bán dâm của B, S và Liên Nam và các người lái xe taxi chở khách đến mua dâm hiện những người này Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, để tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với những người bán bao cao su, Lê Thị T khai nhận mua từ những người bán dạo nên không biết nhân thân lai lịch, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[3] Về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình xét xử, tại phiên tòa bị cáo cũng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Về xử lý vật chứng:*

Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su và 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.750.000 đồng của Lê Thị T, hưởng lợi bất chính từ các lần bán dâm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu vàng, số Imei: 863632034851077, là tài sản của Lê Thị T đã dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 356944094034914 của Lê Thị T đã dùng vào việc phạm tội.

Trả cho bị cáo Lê Thị T 2.100.000 đồng là tài sản của T không liên quan đến việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Truy thu của Lê Thị T 4.000.000 đồng là số tiền T hưởng lợi bất chính trước đó từ việc gọi gái đến bán dâm tại nhà nghỉ T T để sung công quỹ Nhà nước.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo Lê Thị T có được từ việc gọi gái đến mua bán dâm cho khách mua dâm (do T đưa U giữ).

Trả cho bà Mai Thị T (là chủ nhà nghỉ T T) số tiền 450.000 đồng là tiền của khách đến thuê phòng nghỉ lại.

Trả cho Nguyễn Trịnh Phương U số tiền 9.550.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng, số Imei: 354482092914771 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu hồng, số Imei: 353293072053253, là tài sản của Nguyễn Trịnh Phương U, không liên quan đến việc phạm tội.

Do vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phần xử lý vật chứng là có căn cứ. Cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội: Môi giới mại dâm.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 328; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 02 năm 3 tháng (Hai năm ba tháng) tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 31/8/2018

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Về xử lý vật chứng:*

Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su và 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.750.000 đồng của gái bán dâm Lê Thị T1, hưởng lợi bất chính từ các lần bán dâm mà có; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu vàng, số Imei: 863632034851077, là tài sản của Lê Thị T1 dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số Imei: 356944094034914 của Lê Thị T đã dùng vào việc phạm tội.

Trả cho bị cáo Lê Thị T 2.100.000 đồng là tài sản của T không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Truy thu của Lê Thị T 4.000.000 đồng, là số tiền hưởng lợi bất chính trước đó từ việc gọi gái đến bán dâm tại nhà nghỉ T T mà có để sung công quỹ Nhà nước.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo Lê Thị T có được từ việc gọi gái đến mua bán dâm cho khách mua dâm, sau đó T đưa cho U giữ.

Trả cho bà Mai Thị T (là chủ nhà nghỉ T T) 450.000 đồng là tiền của khách đến thuê phòng nghỉ lại.

Trả cho Nguyễn Trịnh Phương U 9.550.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng, số Imei: 354482092914771 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu hồng, số Imei: 353293072053253, là tài sản của Nguyễn Trịnh Phương U, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại U nhận quản lý, sử dụng.

*/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị T phải chịu 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND Tp. B;*
- *Công an Tp. B;*
- *Thi hành án phạt tù (để thi hành);*
- *Chi cục THADS Tp. B;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *Bị cáo, các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

σ